

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Dũng;
- Ông Lê Trường Vũ.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 08, khóm H, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Chị Bùi Thị Cẩm Nh, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 08, khóm H, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Văn Th và chị Bùi Thị Cẩm Nh đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Năm 2012, anh Th và chị Nh tự tìm hiểu, quen nhau, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2019 ngày 27 tháng 9 năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh Th và chị Nh đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Th yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị Cẩm Nh.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Th và chị Nh có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 19/7/2013 và Nhuân, sinh ngày 07/12/2018. Hiện các con đang sống với chị Nh và được chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn, anh Th yêu cầu nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 19/7/2013, đồng ý giao con chung Nguyễn Điền Q, sinh ngày 07/12/2018 cho chị Nh nuôi dưỡng, đôi bên không cấp dưỡng cho nhau để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th và chị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị Cẩm Nh trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện, nơi đăng ký kết hôn như anh Th trình bày. Đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên tranh cãi nên chị Nh và anh Th đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Do anh Th không để lại tài sản cho các con nên chị Nh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nh và anh Th có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 19/7/2013 và Nguyễn Điền Q, sinh ngày 07/12/2018. Hiện hai con chung Quốc Th và Điền Q đang sống với chị Nh, nếu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu cho anh Th ly hôn thì chị Nh yêu cầu tiếp tục nuôi 02 (hai) con chung, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi hai con chung Quốc Th và Điền Q mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng (mỗi đứa con 5.000.000 đồng) đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Chị Nh và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về hôn nhân, con chung nhưng anh Th và chị Nh không thống nhất nội dung vụ án nên hòa giải không thành.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Quốc Th, cháu là con ruột của ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị Cẩm Nh, hiện cháu Thái đang sống với mẹ (Bùi Thị Cẩm Nh) và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ Bùi Thị Cẩm Nh.

Biên bản xác minh văn phòng khóm Long Thị C, phường Long Hưng cung cấp: Anh Th và chị Nh tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Qua trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay.

Về con chung, anh Th và chị Nh có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 19/7/2013 và Nguyễn Điền Q, sinh ngày 07/12/2018. Hiện các con chung đang sống với chị Nh.

Về tài sản chung và nợ chung thì không nắm.

Biên bản xác minh Công an phường Long Hưng cung cấp: Chị Bùi Thị Cẩm Nh, sinh năm 1982, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 08, khóm H, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, anh Th và chị Nh thống nhất thuận tình ly hôn, về con chung đồng ý giao hai con chung Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 19/7/2013 và Nguyễn Điền Q, sinh ngày 07/12/2018 cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận, hôn nhân của anh Th và chị Nh là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Th và chị Nh thỏa thuận với nhau về các vấn đề trong vụ án hôn nhân gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Bùi Thị Cẩm Nh.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Th và chị Nh về việc giao cháu Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 19/7/2013 và Nguyễn Điền Q, sinh ngày 07/12/2018 cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung, anh Th và chị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Anh Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Nh không phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị Cẩm Nh. Chị Nh có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 08, khóm H, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2019 ngày 27 tháng 9 năm 2019 nên hôn nhân giữa anh Th và chị Nh là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh Th khai: Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh Th và chị Nh đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Th yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị Cẩm Nh.

Chị Nh khai: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên tranh cãi nên chị Nh và anh Th đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Do anh Th không để lại tài sản cho các con nên tôi không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, chị Nh thống nhất thuận tình ly hôn với anh Th.

Thời gian anh Th và chị Nh sống xa nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Tình trạng vợ chồng anh Th và chị Nh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Th và chị Nh thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Xét, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Bùi Thị Cẩm Nh theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh Th và chị Nh thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 19/7/2013 và Nguyễn Điền Q, sinh ngày 07/12/2018.

Tại phiên tòa, anh Th đồng ý giao cháu Thái và cháu Quân cho chị Nh tiếp tục nuôi dạy và đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động, thời hạn cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày 26/4/2024. Đồng thời, biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Thái có nguyện vọng tiếp tục sống với chị Nh là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét, chấp nhận.

Chị Nh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Th trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th và chị Nh thống nhất khai: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp. Anh Th phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Chị Nh không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Bùi Thị Cẩm Nh.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65/2019 được Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 9 năm 2019 cho anh Nguyễn Văn Th và chị Bùi Thị Cẩm Nh không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Bùi Thị Cẩm Nh được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 19/7/2013 và Nguyễn Điền Q, sinh ngày 07/12/2018; Công nhận sự tự nguyện của anh Th cấp dưỡng nuôi hai con chung 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thái và cháu Quân thành niên và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày 26/4/2024.

Chị Nh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Th trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng án phí nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0007813 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; anh Th phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí.

Chị Bùi Thị Cẩm Nh không phải chịu án phí sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th và chị Nh có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết